

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

**Ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Thông tin
duyên hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường
xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.**

Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

*Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ
quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ
công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải về quản lý hoạt động hàng
hải;*

*Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây
dựng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục trưởng Cục
Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành định mức chi
phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Thông tin duyên hải sử dụng ngân
sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương
thức đặt hàng.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này các định mức chi phí

Định mức chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý, lợi nhuận, chi tiết tại Phụ
lục đính kèm theo.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này ban hành định mức chi phí áp dụng trong giá dịch vụ sự
nghiệp công Thông tin duyên hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí
chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và áp dụng từ năm tài chính 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì được thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Thứ trưởng Bộ XD;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

PHỤ LỤC

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ, LỢI NHUẬN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BGTVT ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí

1. Chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của doanh nghiệp gồm các chi phí:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: là các khoản tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng và khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;
- Chi phí vật tư dùng cho phân xưởng như vật tư dùng để sửa chữa tài sản cố định dùng cho phân xưởng, vật tư dùng cho quản lý phân xưởng, chi phí lán trại tạm thời;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động của phân xưởng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Trường hợp đã tính trong hạng mục chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp thì không tính tại khoản này;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của phân xưởng như: chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có), chi phí mua ngoài khác (nếu có);
- Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác theo quy định pháp luật ngoài các chi phí đã nêu trên phục vụ cho hoạt động của phân xưởng.

2. Chi phí quản lý

Chi phí quản lý của doanh nghiệp gồm các chi phí:

- Chi phí nhân viên quản lý bao gồm các khoản phải trả cho bộ phận quản lý như tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;
- Chi phí vật tư dùng cho công tác quản lý, vật tư sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trong văn phòng và tài sản khác. Khấu hao tài sản cố

định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có);

- Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật;

- Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định pháp luật.

II. Phương pháp xác định

1. Chi phí sản xuất chung (C_C)

Chi phí sản xuất chung được xác định trên cơ sở tổng chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}) nhân với tỷ lệ chi phí sản xuất chung quy định tại bảng dưới đây.

$$C_C = C_{NC} \times \text{tỷ lệ chi phí sản xuất chung}$$

Trong đó:

C_{NC} : Chi phí nhân công trực tiếp gồm các khoản tiền phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như chi phí tiền lương, chi phí tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân công trực tiếp sản xuất theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Chi phí quản lý (C_{QL})

Chi phí quản lý được xác định trên cơ sở chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}) nhân với tỷ lệ chi phí quản lý quy định tại bảng dưới đây.

$$C_{QL} = C_{NC} \times \text{tỷ lệ chi phí quản lý}$$

Trong đó:

C_{NC} : Chi phí nhân công trực tiếp gồm các khoản tiền phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như chi phí tiền lương, chi phí tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân công trực tiếp sản xuất theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

3. Lợi nhuận (LN)

Lợi nhuận cho dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải được xác định trên cơ sở tổng chi phí sản xuất, kinh doanh nhân (x) với tỷ lệ lợi nhuận dự kiến quy định tại bảng dưới đây.

$$LN = TC \times \text{tỷ lệ lợi nhuận}$$

Trong đó:

- TC: là tổng chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các chi phí sau: chi phí vật tư trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao tài sản cố định trực

tiếp; chi phí sản xuất chung; chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định phục vụ sản xuất (chưa tính ở trên) chi phí bán hàng (nếu có); chi phí quản lý và chi phí tài chính (nếu có).

Bảng tỷ lệ chi phí và lợi nhuận

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất chung	49,23%
2	Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý	31,70%
3	Tỷ lệ phần trăm (%) lợi nhuận	9,23%